

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

Số: 1038/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuy Phước, ngày 26 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ
trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2016.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 12/TTr-PKT&HT ngày 07/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2016 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện phối hợp với phòng Tài chính – Kế hoạch huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch đạt kết quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính – Kế hoạch và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Sở KH&CN Bình Định (b/c);
- CT, PCT UBND huyện (đ/c Quang);
- Thành viên HĐ KH&CN huyện;
- CVP, PCVP (Quốc), CVVP K₁;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH**



Trần Kỳ Quang

KẾ HOẠCH

Hoạt động Khoa học và Công nghệ
trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2016
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND
ngày 26 / 4 /2016 của Chủ tịch UBND huyện)

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2015

I. Kết quả đạt được:

Năm 2015 hoạt động Khoa học và Công nghệ của huyện đã đạt được các kết quả như sau:

- Trong lĩnh vực nông nghiệp: triển khai nhân rộng mô hình “cánh đồng mẫu lớn vụ Đông xuân 2014-2014” và duy trì vụ hè thu năm 2015 với năng suất cao trên 80 tạ/ha (cao hơn năng suất bình quân toàn huyện là 5,1 tạ/ha).
- Trong lĩnh vực giáo dục: đã xây dựng được 58 đề tài, sáng kiến thuộc 04 lĩnh vực chuyên ngành (Chuyên môn dạy và học, Công tác quản lý, Công tác chủ nhiệm, Công tác hoạt động ngoài giờ).
- Trong lĩnh vực Y tế: đã xây dựng được 05 đề tài (Nghiên cứu, ứng dụng phương pháp phát hiện lao chủ động trong nhóm người tiếp xúc nguồn lây; Nghiên cứu, ứng dụng mối liên quan giữa hút thuốc lá và bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính; Nghiên cứu, ứng dụng đặc điểm lâm sàng và hiệu quả sử dụng kháng sinh điều trị ly trực tràng; Tình hình viêm phổi ở trẻ em dưới 05 tuổi; Nghiên cứu, ứng dụng khảo sát sự hải lòng của người bệnh điều trị).
- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho cán bộ và công chức các Phòng, Ban ở huyện và cán bộ phụ trách nông nghiệp của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện trong công tác quản lý Nhà nước về KH&CN cấp huyện năm 2015.
- Cử 06 cán bộ Hội đồng KH&CN huyện tham gia lớp tập huấn do Trường Quản lý Khoa học và Công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức tại Đà Nẵng.
- Tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường: Bố trí cân đối chứng tại các chợ trên địa bàn 05 xã Phước Thành, Phước An, Phước Hưng, Phước Nghĩa, Phước Sơn để người tiêu dùng tự kiểm tra về khối lượng hàng hóa tại các chợ của xã, nhằm đảm bảo tiêu chí về chợ nông thôn của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.
- Thực hiện thu thập thông tin KH&CN, chế độ báo cáo định kỳ theo đúng quy định.

- Nhận xét:

Năm 2015, hoạt động KH&CN của huyện đã thực hiện một số nội dung của KH&CN cấp cơ sở về công tác tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật về KH&CN; ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, xây dựng được một số đề tài sáng kiến cấp cơ sở trên lĩnh vực giáo dục, y tế. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo đúng quy định.

II. Những tồn tại, hạn chế:

Tuy nhiên hoạt động KH&CN của huyện còn một số tồn tại, hạn chế:

- Việc triển khai ứng dụng tiến bộ KH&CN tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp; ít mở rộng sang các ngành nghề khác. Một số mô hình ứng dụng hàm lượng KH&CN chưa cao.

- Hội đồng KH&CN của huyện hoạt động chưa hiệu quả do một số thành viên Hội đồng chuyển công tác, nghỉ hưu.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan thường trực với các cơ quan, đơn vị chưa chặt chẽ.

Phần II

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2016

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ LẬP KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điểm của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển từ nguồn Ngân sách nhà nước năm 2016 (Nguồn vốn của tỉnh);

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các nội dung liên quan đến lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2016 của UBND huyện Tuy Phước về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016.

Trên cơ sở đăng ký mô hình ứng dụng, đề tài nghiên cứu của các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Khoa học và Công nghệ của huyện ngày 31/3/2015.

II. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Làm cơ sở để triển khai thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ của huyện năm 2016;

- Nhằm nâng cao vai trò quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ quản lý về hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp huyện.

2. Yêu cầu:

Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động Khoa học và Công nghệ cấp huyện đã được qui định tại Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 15/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ, phù hợp với đặc thù của địa phương trên cơ sở nguồn kinh phí bố trí cho Khoa học và Công nghệ năm 2016 của huyện.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

A. Nội dung kế hoạch:

1. Tổ chức bộ máy hoạt động KH&CN của huyện

- Kiện toàn Hội đồng KH&CN - Sáng kiến cấp huyện vì nhân sự của Hội đồng KH&CN - Sáng kiến cấp huyện có sự thay đổi vị trí công tác của một số cán bộ nên cần phải kiện toàn lại, nhằm hoạt động của Hội đồng đạt hiệu quả hơn;

- Tổ chức họp Hội đồng KH&CN thường kỳ và tuyển chọn các đề tài, ứng dụng mỗi quý một lần. Dự kiến trong năm sẽ tổ chức 04 cuộc họp;

- Cử cán bộ Hội đồng KH&CN tham gia lớp tập huấn cho cán bộ KH&CN cấp huyện do Trường Quản lý Khoa học và Công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

2. Công tác tập huấn, thống kê thông tin về KH&CN

a) Thực hiện công tác tập huấn về KH&CN:

- Tổ chức tập huấn 02 lớp về công tác quản lý Khoa học và công nghệ cấp huyện cho các thành viên trong Hội đồng KH&CN của huyện; cán bộ, công chức các phòng, ban của huyện; cán bộ và công chức của UBND các xã, thị trấn làm công tác quản lý Khoa học và Công nghệ. Cụ thể:

* Lớp thứ nhất: Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với các đặc sản địa phương;

* Lớp thứ hai: Quản lý Nhà nước về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

b) Thực hiện công tác thống kê thông tin về KH&CN; kiểm tra chấp hành quy định về KH&CN:

- Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở, điều

tra Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện;

- Theo dõi, vận động các cơ quan, đơn vị và các cơ sở sản xuất triển khai thực hiện có hiệu quả các đề tài khoa học, các sáng kiến cải tiến trên các lĩnh vực sản xuất và đời sống;

- Kiểm tra chấp hành quy định về pháp luật đối với hoạt động KH&CN trên địa bàn huyện.

3. Thực hiện công tác Sở hữu trí tuệ:

Thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Chợ Huyện” cho sản phẩm nem chả của huyện Tuy Phước.

4. Triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất và đời sống

a) Trong lĩnh vực Nông – Lâm – Ngư nghiệp và Chăn nuôi:

Ứng dụng nhân rộng mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà.

b) Trong lĩnh vực Giáo dục:

Nghiên cứu và ứng dụng 06 đề tài khoa học kỹ thuật. Cụ thể:

- + Máy cưa dùng trong kỹ nghệ mộc;
- + Bẫy đèn sâu bọ cải tiến;
- + Thiết bị bơm nước sử dụng cho các kênh mương nội đồng;
- + Thùng nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời;
- + Mô hình ứng dụng hiệu ứng nhà kính để lọc nước ngọt từ nước biển;
- + Bếp lò củi tiết kiệm nhiên liệu và hạn chế ô nhiễm khói bụi.

c) Trong lĩnh vực Y tế:

Nghiên cứu 05 đề tài. Cụ thể:

- + Tình hình nhiễm giun trong học sinh tiểu học;
- + Đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhân hậu phẫu mổ sản;
- + Nghiên cứu tình hình tai nạn thương tích;
- + Thực trạng nhiễm khuẩn bệnh viện và các yếu tố liên quan;
- + Tình hình mổ lấy thai tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tuy Phước trong 03 năm 2014-2016.

d) Ứng dụng Công nghệ Thông tin:

Xây dựng hệ thống văn phòng điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra:

Phối hợp với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục TC-ĐL-CL thanh, kiểm tra trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước về việc sản xuất, kinh doanh hàng hóa đảm bảo về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

6. Công tác tuyên truyền:

- Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam (ngày 18/5) theo Thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định;
- Phối hợp với Đài truyền thanh huyện xây dựng chuyên mục về KH&CN.

B. Kinh phí dự kiến thực hiện:

- Kinh phí cho hoạt động sự nghiệp Khoa học và Công nghệ: 240.000.000 đồng (*Kinh phí huyện phân bổ cho Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2016 của UBND huyện Tuy Phước*). Tiết kiệm chi 19%, còn lại: 194.400.000 đồng

- Kinh phí bố trí cho Khoa học và Công nghệ chi cho đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách tỉnh bố trí hàng năm (4%) cho huyện: 338.000.000 đồng (*theo Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định*). Tiết kiệm chi 19%, còn lại: 273.780.000 đồng

Tổng kinh phí còn lại: 468.180.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tám triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng./.)

- Dự trù chi năm 2016 như sau:

1. Chi phí hoạt động Hội đồng KH&CN: 49.250.000 đồng

- a) Chi họp thường kỳ + họp tuyển chọn đề tài: 34.000.000 đồng
- b) Chi phí tập huấn và học tập kinh nghiệm về công tác quản lý KH&CN cho cán bộ Hội đồng KH&CN: 15.250.000 đồng

2. Chi tổ chức công tác tập huấn và phổ biến pháp luật về KH&CN: 20.000.000 đồng

Tập huấn công tác quản lý KH&CN 02 lớp cho các thành viên trong Hội đồng KH&CN của huyện, cán bộ công chức các phòng, ban của huyện; cán bộ và công chức của UBND các xã, thị trấn làm công tác quản lý Khoa học và Công nghệ: 20.000.000 đồng

3. Chi thực hiện công tác Sở hữu trí tuệ: 130.000.000 đồng

Kinh phí thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Chợ Huyện” cho sản phẩm nem chả của huyện Tuy Phước: 130.000.000 đồng.

4. Chi hỗ trợ điều tra, thống kê và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Khoa học và Công nghệ: 5.000.000 đồng

Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở, điều tra Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện: 5.000.000 đồng.

5. Chi công tác tuyên truyền:

Chi tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam (ngày 18/5): 20.000.000 đồng.

6. Chi hỗ trợ triển khai nghiên cứu và ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống: 60.000.000 đồng

a) Trong lĩnh vực Nông nghiệp: 20.000.000 đồng

Chi hỗ trợ sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi Gà: 20.000.000 đồng.

b) Trong lĩnh vực Giáo dục: 20.000.000 đồng.

Chi 06 đề tài nghiên cứu và ứng dụng (Theo Tờ trình số 48/TTr-PGD&ĐT ngày 05/4/2016 của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Tuy Phước): 20.000.000 đồng.

c) Trong lĩnh vực Y tế: 20.000.000 đồng

Chi 05 đề tài nghiên cứu (Theo Tờ trình số 159/TTr-TTYT ngày 03/3/2016 của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước): 20.000.000 đồng.

d) Ứng dụng Công nghệ Thông tin: 183.930.000 đồng.

Chi hỗ trợ xây dựng Hệ thống văn phòng điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện: 183.930.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch này.

- Tham mưu UBND huyện:

+ Kiện toàn Hội đồng KH&CN - Sáng kiến cấp huyện.

+ Tổ chức họp Hội đồng KH&CN thường kỳ.

+ Cử cán bộ Hội đồng KH&CN tham gia lớp tập huấn cho cán bộ KH&CN cấp huyện do Trường Quản lý Khoa học và Công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

- Chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

+ Tổ chức tập huấn 02 lớp về công tác quản lý Khoa học và công nghệ cấp huyện cho các thành viên trong Hội đồng KH&CN của huyện; cán bộ, công chức các phòng, ban của huyện; cán bộ và công chức của UBND các xã, thị trấn làm công tác quản lý Khoa học và Công nghệ.

- + Thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Chợ Huyện” cho sản phẩm nem chả của huyện Tuy Phước.
- + Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở, điều tra Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện.
- + Theo dõi, vận động các cơ quan, đơn vị và các cơ sở sản xuất triển khai thực hiện có hiệu quả các đề tài khoa học, các sáng kiến cải tiến trên các lĩnh vực sản xuất và đời sống.
- + Phối hợp với các ngành kiểm tra chấp hành quy định về pháp luật đối với hoạt động KH&CN trên địa bàn huyện.
- + Phối hợp với Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục TC-ĐL-CL thanh, kiểm tra trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước về việc sản xuất, kinh doanh hàng hóa đảm bảo về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đối với một số cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.
- + Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam (ngày 18/5) theo Thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định.
- + Phối hợp với Đài truyền thanh huyện xây dựng chuyên mục về KH&CN.
- Lập dự toán kinh phí gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định và cấp kinh phí.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Tham mưu cho UBND huyện bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp Khoa học và Công nghệ và kinh phí đầu tư phát triển (4%) theo đúng theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Chủ trì kiểm tra việc chi, thanh quyết toán ngân sách theo đúng quy định.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện:

- Chủ trì và phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND huyện tổ chức thực hiện nhiệm vụ triển khai, ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện đạt hiệu quả.
- Báo cáo tiến độ theo định kỳ hàng quý và quyết toán kinh phí về cơ quan thường trực (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện).

4. Trạm Khuyến nông huyện:

- Chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ triển khai, ứng dụng trong việc sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi Gà đạt hiệu quả.
- Báo cáo tiến độ theo định kỳ hàng quý và quyết toán kinh phí về cơ quan thường trực (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện).

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện:

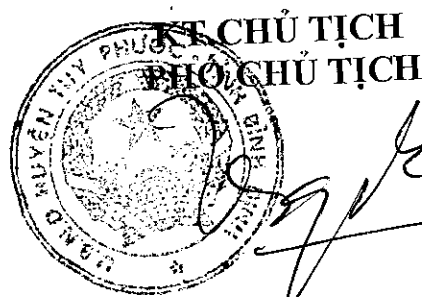
- Chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ triển khai 06 đề tài nghiên cứu và ứng dụng gồm:

- + Máy cưa dùng trong kỹ nghệ mộc;
 - + Bẫy đèn sâu bọ cải tiến;
 - + Thiết bị bơm nước sử dụng cho các kênh mương nội đồng;
 - + Thùng nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời;
 - + Mô hình ứng dụng hiệu ứng nhà kính để lọc nước ngọt từ nước biển;
 - + Bếp lò củ tiết kiệm nhiên liệu và hạn chế ô nhiễm khói bụi.
- Báo cáo tiến độ theo định kỳ hàng quý và quyết toán kinh phí về cơ quan thường trực (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện).

6. Trung tâm Y tế huyện:

- Chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ triển khai 05 đề tài nghiên cứu gồm:
 - + Tình hình nhiễm giun trong học sinh tiểu học;
 - + Đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhân hậu phẫu mổ sản;
 - + Nghiên cứu tình hình tai nạn thương tích;
 - + Thực trạng nhiễm khuẩn bệnh viện và các yếu tố liên quan;
 - + Tình hình mổ lấy thai tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tuy Phước trong 03 năm 2014-2016.
- Báo cáo tiến độ theo định kỳ hàng quý và quyết toán kinh phí về cơ quan thường trực (Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện).

Trên đây là Kế hoạch Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện Tuy Phước năm 2016, yêu cầu thủ trưởng các phòng, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện triển khai thực hiện./~



Trần Kỳ Quang



Phụ lục

ĐU TRÙ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG KH&CN NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2016 của UBND huyện Tuy Phước)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Ngôn KP KH&CN	Ngôn KP đầu tư phát triển (4%)	Tổng cộng
1	Chi phí hoạt động Hội đồng KH&CN	49.250.000		49.250.000
a)	Chi họp thường kỳ + họp tuyển chọn đề tài			34.000.000
	Tổ chức 04 cuộc họp x 8.500.000 đồng/cuộc họp = 34.000.000 đồng.			
	Cụ thể:			
	* Chi 01 cuộc họp: 8.500.000 đồng			
	+ Chủ tịch Hội đồng KH&CN: 01 người x 400.000 đồng/người = 400.000 đồng;			
	+ Phó Chủ tịch Hội đồng KH&CN: 02 người x 320.000 đồng/người = 640.000 đồng;			
	+ Thành viên Hội đồng: 21 người x 320.000 đồng/người = 6.720.000 đồng;			
	+ Nước uống: 24 người x 15.000 đồng/người = 360.000 đồng;			
	+ Phục vụ: 100.000 đồng;			
	+ Văn phòng phẩm phục vụ các cuộc họp Hội đồng và phô tô các Văn bản về KH&CN: 280.000 đồng.			
b)	Chi phí tập huấn và học tập kinh nghiệm về công tác quản lý KH&CN cho cán bộ Hội đồng KH&CN			15.250.000
	Cụ thể:			
	Đi tập huấn cho 05 người trong Hội đồng			
	+ Chi tiền xe đi lại: 05 người x 800.000đ/2 lượt/người = 4.000.000 đồng.			
	+ Chi tiền ở khách sạn: 05 người x 300.000đ/ngày/người x 5 ngày = 7.500.000 đồng.			
	+ Chi tiền phụ cấp lưu trú ngoài tỉnh: 05 người x 150.000đ/ngày/người x 5 ngày = 3.750.000 đồng.			



[Handwritten signature]

2	Tổ chức công tác Tập huấn và phổ biến pháp luật về KH&CN	20.000.000		20.000.000
	Tập huấn công tác quản lý KH&CN 02 lớp cho các thành viên trong Hội đồng KH&CN của huyện và lãnh đạo UBND các xã, thị trấn, công chức của xã làm công tác quản lý Khoa học và Công nghệ: 02 lớp x 10.000.000 đ/lớp = 20.000.000 đồng.			
3	Thực hiện công tác Sở hữu trí tuệ:	40.150.000	89.850.000	130.000.000
	Kinh phí thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Chợ Huyện” cho sản phẩm nem chả của huyện Tuy Phước.			130.000.000
	Cụ thể:			
	+ Khảo sát đánh giá về Quy trình sản xuất sản phẩm Nem Chả Chợ Huyện: 10.000.000 đồng;			
	+ Thu thập mẫu, phân tích các chỉ tiêu cảm quan, các chỉ tiêu hóa học và vi sinh của sản phẩm: 40.000.000 đồng;			
	+ Đúc kết quy trình sản xuất chung, phù hợp với thực tế áp dụng cho việc sản xuất mang nhãn hiệu Nem Chả Chợ Huyện: 10.000.000 đồng;			
	+ Xây dựng bộ tiêu chuẩn Nem Chả Chợ Huyện làm cơ sở cho việc chứng nhận: 10.000.000 đồng;			
	+ Xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận Nem Chả Chợ Huyện: 10.000.000 đồng;			
	+ Thiết kế, thống nhất lựa chọn mẫu Nhãn hiệu chứng nhận: 15.000.000 đồng;			
	+ Xây dựng bản đồ xác định vùng sản xuất sản phẩm: 15.000.000 đồng;			
	+ Hội thảo: Lấy ý kiến đóng góp từ các tổ chức, cơ quan, hộ sản xuất có liên quan để hoàn thiện nội dung: 10.000.000 đồng;			
	+ Hoàn thiện hồ sơ, nộp và theo đuổi đăng ký nhãn hiệu chứng nhận: 10.000.000 đồng;			

4	Công tác hỗ trợ điều tra, thống kê và kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Khoa học và Công nghệ	5.000.000		5.000.000
	Phối hợp với các ngành chức năng thực hiện báo cáo thống kê cơ sở, điều tra Khoa học và Công nghệ trên địa bàn huyện			5.000.000
	Hỗ trợ tiền xăng xe: 04 người x 50.000 đồng/người/ngày x 5 ngày/đợt x 5 đợt = 5.000.000 đồng.			
5	Công tác tổ chức các hoạt động chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ngày 18/5)	20.000.000		20.000.000
	Tham gia hoạt động hưởng ứng Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam (ngày 18/5): 20.000.000 đồng;			20.000.000
6	Công tác hỗ trợ triển khai ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống	60.000.000	183.930.000	243.930.000
6.1	Trong lĩnh vực Nông nghiệp	20.000.000		20.000.000
	Chi hỗ trợ sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi Gà: 20.000.000 đồng.			
6.2	Trong lĩnh vực Giáo dục	20.000.000		20.000.000
	Chi 06 đề tài nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật (Theo Tờ trình số 48/TTr-PGD&ĐT ngày 05/4/2016 của Phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Tuy Phước). Kinh phí thực hiện: 60.000.000 đồng.			
	Cụ thể:			
	1. Bồi dưỡng giám khảo chấm:			
	10 người x 100.000 đồng/ngày x 6 ngày = 6.000.000 đồng;			
	2. Nghiên cứu và viết đề tài:			
	06 đề tài x 1.000.000 đồng/đề tài = 6.000.000 đồng;			
	3. Vật liệu dụng cụ và thiết bị làm đề tài:			
	06 đề tài x 2.000.000 đồng/đề tài = 12.000.000 đồng;			
	4. Khen thưởng đề tài đoạt giải:			
	06 đề tài x 4.000.000 đồng/đề tài = 24.000.000 đồng;			
	5. Báo cáo thực hành và minh họa đề tài:			



Handwritten signature or initials.

	06 đề tài x 2.000.000 đồng/đề tài = 12.000.000 đồng;			
6.3	Trong lĩnh vực Y tế:	20.000.000		20.000.000
	Chi 05 đề tài nghiên cứu (Theo Văn bản số 159/TTr-TTYT ngày 03/3/2016 của Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước). Kinh phí thực hiện: 46.000.000 đồng.			
	Cụ thể:			
	Tình hình nhiễm giun trong học sinh tiểu học: 30.000.000 đồng;			
	Đánh giá kết quả chăm sóc bệnh nhân hậu phẫu mổ sản: 4.000.000 đồng;			
	Nghiên cứu tình hình tai nạn thương tích: 4.000.000 đồng;			
	Thực trạng nhiễm khuẩn bệnh viện và các yếu tố liên quan: 4.000.000 đồng;			
	Tình hình mổ lấy thai tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tuy Phước trong 03 năm 2014-2016: 4.000.000 đồng.			
6.4	Trong lĩnh vực Văn hóa và Thông tin		183.930.000	183.930.000
	Chi hỗ trợ triển khai, ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.			
	Kinh phí thực hiện: 291.700.000 đồng			
	Cụ thể:			
	I. Thiết bị: 273.900.000 đồng			
	a) Thiết bị bảo mật Cyberoam: 98.000.000 đồng			
	Stateful Inspection Firewall, VPN, Gateway Anti-Virus & Anti-Spyware, Gateway Anti-Spam, Intrusion Prevention System – IPS, Application filtering, Web application firewall License: 1 Year			
	b) Thiết bị lưu trữ điện: 20.000.000 đồng			
	APC Smart-UPS 2200VA USB & Serial 230V, APC Smart-UPS, 1980 Watts /2200 VA, Input 230V / Output 230V, Interface Port DB-9 RS-232, SmartSlot.			
	c) Thiết bị chuyển mạch Cisco SG300-			

	28PP: 21.000.000 đồng			
	Tốc độ truyền dữ liệu: 10/100/1000Mbps, Số cổng kết nối: 26 x RJ45.			
	d) Máy tính bộ: 110.000.000 đồng			
	- CPU: Intel Core I3-3220 (2x 3.3Ghz) 3MB - Ram: DDRIII 2G - HDD: 250 GB - ODD: DVDROM 18X - 8 USB - LAN: 1G - KB & M: Keyboard & mouse ROBO - Display: 19.5" LCD Led.			
	Tổng cộng (a+...+d): 249.000.000 đồng			
	Thuế VAT 10%: 24.900.000 đồng			
	2. Đào tạo, chuyển giao công nghệ: 17.800.000 đồng			
	+ Cài đặt, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ thiết bị (bảo mật, máy tính, ...): 10.000.000 đồng			
	+ Hỗ trợ cho tổ giúp việc đào tạo, hướng dẫn lại cho các lãnh đạo và chuyên viên của các cơ quan đơn vị triển khai văn phòng điện tử: 4.800.000 đồng			
	+ Phí thẩm định giá: 3.000.000 đồng			
	TỔNG CỘNG: (1+...+6)	194.400.000	273.780.000	468.180.000

INK BIA

Handwritten signature